

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12109/BTC-CST  
V/v lấy ý kiến dự án Nghị  
quyết về mức thuế BVMT đối  
với xăng, dầu, mỡ nhờn

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 4111/VPCP-KTTH ngày 16/11/2022 về việc nghiên cứu, đề xuất giải pháp thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, trước bối cảnh giá dầu thô thế giới vẫn liên tục biến động, khó dự báo, để đảm bảo tính linh hoạt trong việc áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong thời gian tới, góp phần ổn định giá xăng, dầu trong nước, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, Bộ Tài chính xây dựng hồ sơ dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn để áp dụng trong năm 2023 theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*tài liệu kèm theo*).

Đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia và gửi về Bộ Tài chính (Vụ Chính sách Thuế) trước ngày 25 / 11 /2022, đồng thời gửi file mềm tham gia ý kiến về địa chỉ: [daothanhphuong@mof.gov.vn](mailto:daothanhphuong@mof.gov.vn).

(Thông tin chi tiết xin liên hệ: Đào Thanh Phương, số điện thoại: 0904.552.898 - máy lẻ: 5122 hoặc Trần Lương Quang Minh, số điện thoại: 0866.595.915 - máy lẻ: 5105).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Hiệp hội xăng dầu Việt Nam; Hiệp hội hàng không Việt Nam (để tham gia ý kiến);
- Các Vụ: PC; NSNN;
- Các Cục: QLG; TCDN;
- TCT; TCHQ;
- Lưu: VT (2), CST(TSTN).

*12b*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về  
mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023**

Kính gửi: Chính phủ

Trước bối cảnh giá dầu thô thế giới và giá xăng dầu thành phẩm thế giới vẫn liên tục biến động, khó dự báo, để đảm bảo tính linh hoạt trong việc áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn thời gian tới phù hợp với thực tế, góp phần ổn định giá xăng, dầu, kiềm chế lạm phát, góp phần hỗ trợ phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật thuế bảo vệ môi trường (BVMT), Bộ Tài chính trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) dự án Nghị quyết của UBTVQH về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023 (sau đây gọi chung là dự án Nghị quyết) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Thực tiễn thi hành chính sách điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2022**

Tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế BVMT quy định Biểu khung thuế BVMT đối với các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, trong đó quy định khung thuế BVMT đối với nhóm xăng, dầu, mỡ nhờn như sau: xăng, trừ etanol là 1.000-4.000 đồng/lít; nhiên liệu bay là 1.000-3.000 đồng/lít; dầu diesel là 500-2.000 đồng/lít; dầu hỏa là 300-2.000 đồng/lít; dầu mazut là 300-2.000 đồng/lít; dầu nhờn là 300-2.000 đồng/lít; mỡ nhờn là 300-2.000 đồng/kg.

Tại khoản 2 Điều 8 Luật thuế BVMT quy định giao UBTVQH căn cứ vào Biểu khung thuế để quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hoá chịu thuế bảo đảm các nguyên tắc mức thuế đối với hàng hoá chịu thuế phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ và được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hoá.

Căn cứ Biểu khung thuế và nguyên tắc điều chỉnh mức thuế BVMT tại Luật thuế BVMT, UBTVQH ban hành Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 về Biểu thuế BVMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019, trong đó quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn ở mức trần trong khung thuế, trừ dầu hỏa. Cụ thể: mức thuế BVMT đối với xăng (trừ etanol) là 4.000 đồng/lít; nhiên liệu bay là 3.000 đồng/lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 2.000 đồng/lít; mỡ nhờn là 2.000 đồng/kg; riêng dầu hỏa là 1.000 đồng/lít (mức trần trong khung thuế là 2.000 đồng/lít).

Từ đầu năm 2022 đến nay, sự biến động giá xăng dầu thế giới và trong nước đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp (đặc biệt trong các lĩnh vực vận tải, thủy sản...) cũng như ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của người dân và ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về thực hiện các giải pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội; góp phần tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp phục hồi và phát triển sau dịch Covid-19, góp phần bình ổn thị trường xăng dầu trước bối cảnh giá xăng dầu tăng cao, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình UBTVQH các Nghị quyết để giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn áp dụng trong năm 2022, cụ thể:

- Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31/12/2021 quy định giảm 50% mức thuế BVMT đối với nhiên liệu bay từ 3.000 đồng/lít xuống còn 1.500 đồng/lít, áp dụng từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 10/7/2022.

- Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 được thông qua ngày 23/3/2022, quy định giảm 50% mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn (trừ nhiên liệu bay, dầu hỏa) và giảm 70% mức thuế BVMT đối với dầu hỏa, áp dụng từ ngày 01/4/2022 đến hết ngày 10/7/2022, cụ thể: xăng giảm từ 4.000 đồng/lít xuống 2.000 đồng/lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn giảm từ 2.000 đồng/lít xuống 1.000 đồng/lít; mỡ nhờn giảm từ 2.000 đồng/kg xuống 1.000 đồng/kg; dầu hỏa giảm từ 1.000 đồng/lít xuống 300 đồng/lít.

- Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 được thông qua ngày 06/7/2022 quy định giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn xuống bằng mức sàn trong Biểu khung thuế, áp dụng từ ngày 11/7/2022 đến hết ngày 31/12/2022, cụ thể: xăng giảm từ 2.000 đồng/lít xuống mức sàn 1.000 đồng/lít; nhiên liệu bay giảm từ 1.500 đồng/lít xuống mức sàn 1.000 đồng/lít; dầu diesel giảm từ 1.000 đồng/lít xuống mức sàn 500 đồng/lít; dầu mazut, dầu nhờn giảm từ 1.000 đồng/lít xuống mức sàn 300 đồng/lít; mỡ nhờn giảm từ 1.000 đồng/kg xuống mức sàn 300 đồng/kg; dầu hỏa giữ mức 300 đồng/lít vì đây là mức sàn trong Biểu khung thuế.

Từ ngày 01/01/2023, mức thuế BVMT đối với các mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 (bằng mức trần trong Biểu khung thuế, trừ dầu hỏa).

Quá trình thực hiện chính sách giảm thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2022 cho thấy những kết quả tích cực, cụ thể:

*- Việc thực hiện giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2022 là giải pháp hiệu quả để góp phần giảm giá xăng dầu, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thời gian qua.*

Thuế BVMT là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường, nên chi phí thuế BVMT sẽ được chuyển vào giá thành sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế và người tiêu dùng là người cuối cùng chịu thuế BVMT. Việc điều chỉnh giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn kịp thời trong bối cảnh giá xăng dầu đang ở mức cao

được xem là giải pháp hiệu quả để giảm chi phí thuế trong cơ cấu giá bán lẻ xăng dầu, từ đó có tác động tích cực trong việc giảm giá bán lẻ xăng dầu. Cụ thể:

+ Khi thực hiện giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15, giá xăng trong nước đã có sự điều chỉnh giảm 2 kỳ liên tiếp so với kỳ điều hành liền trước. Tính chung trong tháng 4/2022, việc điều chỉnh giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đã làm giá xăng dầu giảm 0,59% so với tháng 3/2022 và từ đó làm CPI chung giảm 0,06 điểm phần trăm<sup>1</sup>.

+ Khi thực hiện giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 đến nay, giá xăng bán lẻ trong nước có đã nhiều kỳ giảm liên tiếp, trong đó ngay tại kỳ điều hành ngày 11/7/2022 khi Nghị quyết 20/2022/UBTVQH15 có hiệu lực thì giá xăng bán lẻ trong nước đã giảm sâu, cụ thể: giá xăng E5RON92 giảm 3.103 đồng/lít, giá xăng RON95 giảm 3.088 đồng/lít, giá dầu diesel 0.05S giảm 3.022 đồng/lít và đến nay (tại kỳ điều hành ngày 11/11/2022), giá xăng E5RON92 là 22.711 đồng/lít (giảm so với kỳ điều hành ngày 01/7/2022 - trước thời điểm áp dụng Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 là 8.180 đồng/lít); giá xăng RON95 là 23.867 đồng/lít (giảm so với kỳ điều hành ngày 01/7/2022 là 8.896 đồng/lít). Như vậy, thực tế cho thấy mức thuế BVMT được điều chỉnh linh hoạt và đúng thời điểm (trong bối cảnh giá xăng dầu thế giới tăng cao tác động đến nền kinh tế vĩ mô trong nước) đã góp phần kiểm soát, kiềm chế sự tăng giá bán lẻ xăng dầu trong nước.

Việc giảm giá xăng dầu ngoài nguyên nhân do giá xăng dầu thành phẩm thế giới giảm thì việc giảm mức thuế BVMT đối với xăng dầu là nguyên nhân trực tiếp làm giảm giá bán xăng dầu, điều này được thể hiện rõ khi mức giá bán lẻ xăng dầu tại các kỳ điều chỉnh sau khi áp dụng các Nghị quyết giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đều giảm so với kỳ điều chỉnh liền kề trước như nêu trên.

Việc tăng, giảm giá xăng dầu nói chung sẽ tác động đến sản xuất và tiêu dùng trong nước. Đồng thời, sự thay đổi về giá của mặt hàng này sẽ kéo theo sự biến động nhất định về giá của các mặt hàng khác, thể hiện qua sự thay đổi của chỉ số CPI, cụ thể việc giảm thuế BVMT đối với nhóm xăng, dầu, mỡ nhờn sẽ góp phần làm giảm giá bán lẻ xăng, dầu, mỡ nhờn, từ đó góp phần hạn chế sự gia tăng chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và góp phần kiểm soát lạm phát.

*- Việc thực hiện giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2022 đã góp phần hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế đất nước còn khó khăn.*

Xăng dầu là mặt hàng thiết yếu trong đời sống người dân và là đầu vào của nhiều ngành sản xuất, nên sự biến động giá xăng dầu sẽ tác động đến rất nhiều đối tượng trong nền kinh tế. Do đó, việc giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn không phân biệt đối tượng áp dụng sẽ hỗ trợ nền kinh tế, người dân và doanh nghiệp.

<sup>1</sup> Theo công bố của Tổng cục thống kê.

Đối với người dân, đây là đối tượng sẽ được hưởng lợi trực tiếp của chính sách này, việc giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn sẽ góp phần giảm giá các mặt hàng này, từ đó góp phần giảm chi phí trực tiếp của người dân trong việc tiêu thụ xăng, dầu, mỡ nhờn cũng như giảm các chi phí gián tiếp từ các sản phẩm tiêu dùng khác.

Đối với các ngành sản xuất cũng như các doanh nghiệp có sử dụng xăng dầu là đầu vào của hoạt động sản xuất như giao thông vận tải, vận chuyển, đánh bắt thủy sản, dịch vụ khí đốt, sản xuất hóa chất có sử dụng nguyên liệu từ xăng dầu... sẽ được hưởng lợi nhiều hơn khi chính sách được ban hành. Việc giảm thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn sẽ góp phần làm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, từ đó giúp doanh nghiệp tăng khả năng phục hồi và mở rộng sản xuất kinh doanh.

## **2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Quá trình thực hiện chính sách giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn thời gian qua đã đặt ra một số vấn đề trong công tác quản lý điều hành chính sách thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, cụ thể:

*Thứ nhất, việc mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tăng từ mức sàn lên mức trần trong Biểu khung thuế khi hết thời gian thực hiện giảm mức thuế sẽ gây nhiều tác động tiêu cực*

Theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 thì từ ngày 11/7/2022 đến hết ngày 31/12/2022, mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức sàn trong Biểu khung thuế; từ ngày 01/01/2023, mức thuế BVMT đối với các mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14, khi đó mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức trần trong Biểu khung thuế, trừ dầu hỏa, cụ thể: xăng (trừ etanol) tăng từ 1.000 đồng/lít lên mức trần 4.000 đồng/lít; nhiên liệu bay tăng từ 1.000 đồng/lít lên mức trần 3.000 đồng/lít; dầu diesel tăng từ 500 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít; dầu mazut, dầu nhờn tăng từ 300 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít; mỡ nhờn tăng từ 300 đồng/kg lên mức trần 2.000 đồng/kg; dầu hỏa tăng từ 300 đồng/lít lên mức 1.000 đồng/lít. Theo đó, giá bán lẻ xăng, dầu, mỡ nhờn sẽ tăng lên tương ứng. Nếu tính bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (GTGT) thì giá bán lẻ xăng dầu sẽ tăng tương ứng đối với xăng là 3.300 đồng/lít; nhiên liệu bay là 2.200 đồng/lít; dầu diesel là 1.650 đồng/lít; dầu mazut, dầu nhờn là 1.870 đồng/lít; mỡ nhờn là 1.870 đồng/kg; dầu hỏa là 770 đồng/lít.

Trong bối cảnh tình hình thị trường xăng dầu thế giới vẫn còn tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo theo nhiều khả năng trong thời gian tới giá xăng dầu vẫn sẽ tiếp tục biến động khó lường, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro đến sự ổn định kinh tế - xã hội cũng như tác động đến thị trường xăng dầu trong nước. Theo đó, việc mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tăng từ mức sàn về mức trần từ ngày 01/01/2023 (giai đoạn cận kề tết nguyên đán) sẽ gây ảnh hưởng nhất định đến tâm lý, đời sống sinh hoạt của người dân cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến lạm phát và sẽ tác động trực tiếp đến ổn định kinh tế vĩ mô.

*Thứ hai, do cơ chế điều hành mức thuế BVMT chưa được linh hoạt dẫn đến tình trạng liên tục phải ban hành các Nghị quyết điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong thời gian qua*

Luật thuế BVMT quy định giao UBND tỉnh quy định mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trên cơ sở nguyên tắc mức thuế đối với hàng hoá chịu thuế phải phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ. Từ đầu năm 2022, để hạn chế tác động tiêu cực của sự tăng giá dầu thô thế giới đối với nền kinh tế, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình UBND tỉnh ban hành các Nghị quyết giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn. Tuy nhiên, thời gian áp dụng của chính sách đều không dài do việc điều chỉnh mức thuế BVMT chủ yếu để ứng phó với tình hình thực tế biến động giá xăng dầu thế giới, dẫn đến tình trạng khi giá xăng dầu thế giới có sự biến động lại phải trình UBND tỉnh điều chỉnh mức thuế BVMT cho phù hợp. Mặt khác, việc trình UBND tỉnh điều chỉnh mức thuế BVMT thường có độ trễ nhất định do phải đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong khi thị trường xăng dầu liên tục biến động, do đó, mức thuế được ban hành chưa theo kịp với sự thay đổi của giá xăng dầu.

Nguyên nhân của vấn đề trên là do pháp luật thuế BVMT hiện hành chưa có quy định về việc áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn khi giá của các mặt hàng này biến động. Thực tế thời gian qua cho thấy, giá xăng dầu vẫn luôn biến động và với tình hình kinh tế, chính trị thế giới như hiện nay thì dự báo nhiều khả năng trong thời gian tới giá xăng dầu vẫn sẽ tiếp tục biến động với mức độ thay đổi nhanh, liên tục và rất khó dự báo. Do vậy, để ứng phó với tình hình biến động của giá xăng dầu thế giới và khắc phục tình trạng phải trình UBND tỉnh ban hành nhiều Nghị quyết để điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn thì cần thiết quy định rõ mức thuế BVMT cụ thể đối với mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn theo các kịch bản giá dầu thô thế giới nhằm phục vụ công tác điều hành mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn.

*Thứ ba, việc thực hiện giảm thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đã làm giảm thu ngân sách nhà nước (NSNN)*

Theo tính toán khi trình UBND tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2022/UBND tỉnh, Chính phủ đã dự kiến giảm NSNN khoảng 32.538 tỷ đồng (trong đó, giảm thu NSNN theo Nghị quyết số 13/2021/UBND tỉnh là 1.584 tỷ đồng, theo Nghị quyết số 18/2022/UBND tỉnh là 23.954 tỷ đồng và theo Nghị quyết số 20/2022/UBND tỉnh là 7.000 tỷ đồng).

### **3. Đánh giá các biện pháp điều hành giá xăng dầu trong nước**

Xăng dầu vừa là mặt hàng chiến lược, quan trọng, vừa là mặt hàng thiết yếu, có tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, tác động trực tiếp đến ổn định kinh tế vĩ mô. Do đó, về nguyên tắc, việc điều hành giá xăng dầu trong nước hiện tuân theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Hiện nay, giá xăng dầu trong nước được điều hành thông qua 2 giải pháp chủ yếu là giải pháp về nguồn cung xăng dầu và giải pháp điều chỉnh

các yếu tố trực tiếp cấu thành giá bán xăng dầu. Tuy nhiên, việc lựa chọn áp dụng các giải pháp này phụ thuộc vào rất nhiều tố, cụ thể:

Theo quy định tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, giá cơ sở xăng dầu được tính dựa trên 04 yếu tố sau:

a) Giá xăng dầu thành phẩm thế giới

Hiện nay, giá xăng dầu thế giới trong công thức giá cơ sở xăng dầu được xác định là giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch trên thị trường Sing-ga-po (của hãng tin Platts). Trong cơ cấu giá cơ sở xăng dầu, chi phí giá xăng dầu thế giới (thể hiện qua giá Platts bình quân) chiếm tỷ trọng chủ yếu và yếu tố này có vai trò quyết định chủ yếu đến việc điều hành giá cơ sở xăng dầu trong nước. Đây là yếu tố khách quan, ngoài khả năng kiểm soát của công tác điều hành giá xăng dầu. Khi giá xăng dầu thế giới càng tăng thì tỷ trọng yếu tố này trong giá cơ sở xăng dầu càng tăng.

b) Các khoản chi phí và lợi nhuận định mức

Chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức do Bộ Tài chính xác định và thông báo hàng năm để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu.

c) Mức trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu (BOG)

Theo quy định hiện hành, mức trích lập Quỹ BOG được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với thực tế tại thời điểm điều hành giá xăng dầu. Mức chi sử dụng Quỹ BOG được xem xét điều hành khi giá cơ sở cao hơn giá bán lẻ hiện hành hoặc việc tăng giá xăng dầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

d) Các khoản thuế

Hiện hành, các sắc thuế áp dụng đối với mặt hàng xăng dầu và cơ cấu trong giá cơ sở xăng dầu gồm: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) đối với xăng, thuế BVMT và thuế GTGT. Luật phí và lệ phí không có quy định về thu phí, lệ phí đối với xăng dầu.

- Đối với thuế GTGT, thuế TTĐB: Thời gian qua, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, trình Quốc hội đề xuất các giải pháp điều chỉnh thuế đối với xăng dầu trong đó có đề xuất điều chỉnh thuế TTĐB, thuế GTGT đối với xăng dầu. Tuy nhiên, tại Báo cáo số 362/BC-UBTVQH15 ngày 11/11/2022 của UBTVQH tiếp thu, giải trình về đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2022, dự toán NSNN năm 2023 và Dự thảo Nghị quyết về dự toán NSNN năm 2023, UBTVQH có ý kiến: “Các dự báo xu thế giá dầu thô thế giới năm 2023 là thấp hơn so với giá dầu năm 2022; bên cạnh đó, cùng với các chỉ số tích cực về kinh tế vĩ mô trong nước hiện nay, thì việc thiết kế cơ chế “dự phòng” trong điều hành giá xăng dầu trong nước thông qua thuế TTĐB và thuế GTGT là chưa thực sự cần thiết. Ngoài ra, năm 2023, bên cạnh các biện pháp điều hành thị trường xăng dầu trong nước, vẫn có dư địa sử dụng công cụ thuế BVMT như đã thực hiện trong năm 2022.

- Đối với thuế nhập khẩu: Để đa dạng hóa nguồn cung xăng dầu, đồng

thời đảm bảo mức chênh lệch phù hợp với mức thuế suất theo các FTA mà Việt Nam đã ký kết, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 điều chỉnh giảm thuế suất nhập khẩu đối với xăng từ mức 20% xuống mức 10%.

- Đối với thuế BVMT: Tại khoản 2 Điều 8 Luật thuế BVMT giao UBTVQH căn cứ vào Biểu khung thuế để quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hoá chịu thuế bảo đảm các nguyên tắc mức thuế đối với hàng hoá chịu thuế phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ và mức thuế đối với hàng hoá chịu thuế được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hoá.

Qua đánh giá các biện pháp điều hành giá xăng dầu thời gian qua cho thấy, xét trong bối cảnh tình hình hiện nay thì việc điều chỉnh linh hoạt mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn là giải pháp khả thi nhất và có hiệu quả nhất.

**Như vậy**, kết quả thực hiện chính sách giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn cho thấy, đây là một giải pháp hiệu quả để ổn định thị trường xăng dầu trong nước trước bối cảnh thị trường xăng dầu thế giới liên tục biến động và tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, khi chính sách giảm mức thuế BVMT hết hiệu lực, mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tăng về mức trần trong khung thuế, đặc biệt trong bối cảnh tình hình thị trường xăng dầu thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp sẽ gây ảnh hưởng nhất định đến tâm lý, đời sống sinh hoạt của người dân cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến mục tiêu kiềm chế lạm phát và tác động trực tiếp đến ổn định kinh tế vĩ mô. Do vậy, để tránh những tác động tiêu cực khi mức thuế BVMT tăng về mức trần trong Biểu khung thuế từ ngày 01/01/2023, đảm bảo tính linh hoạt trong quá trình điều hành mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023 thì cần phải có giải pháp quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023 theo các kịch bản giá dầu thô thế giới.

**Từ những nội dung báo cáo trên**, căn cứ theo thẩm quyền và từ những tác động tiêu cực khi mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tăng về mức trần trong khung thuế từ ngày 01/01/2023 thì việc trình UBTVQH ban hành Nghị quyết về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn để áp dụng trong năm 2023 là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. Góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và bình ổn thị trường xăng dầu trước bối cảnh giá dầu thô biến động phức tạp.
2. Đảm bảo sự linh hoạt, chủ động trong quá trình triển khai thực hiện.
3. Đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân, doanh nghiệp và nhà nước trên cơ sở phù hợp với khả năng cân đối NSNN.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì không phải lập đề nghị xây dựng đối với Nghị quyết của UBTVQH để hướng dẫn Luật hoặc vấn đề khác thuộc



thẩm quyền của UBND. Do dự án Nghị quyết quy định mức thuế BVMT thuộc thẩm quyền của UBND đã được giao trong Luật thuế BVMT nên không thuộc trường hợp phải lập đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn<sup>2</sup>, để đảm bảo kịp thời trình Chính phủ, trình UBND ban hành Nghị quyết nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng dự án Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

##### 1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 4 Điều:

- Điều 1: Quy định về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn.
- Điều 2: Quy định về áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023.
- Điều 3: Quy định về trách nhiệm thi hành.
- Điều 4: Quy định về hiệu lực thi hành.

##### 2. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

a) Về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023

Để vừa đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời cũng như không ảnh hưởng nhiều đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các công ty xăng dầu và việc điều hành giá xăng dầu (không ảnh hưởng đến sự biến động về giá) trong năm 2023, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn khi giá dầu thô thế giới biến động mà không phải trình UBND ban hành nhiều Nghị quyết trong năm 2023, đề nghị trình UBND ban hành Nghị quyết quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 như sau:

(i) Quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023 theo các kịch bản giá dầu thô thế giới, cụ thể như sau:

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đồng/đv hàng hóa)	Mức thuế dự kiến điều chỉnh (đồng/đv hàng hóa)
<b>I</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới từ 70 USD/thùng trở xuống</b> (quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBND - mức trần trong khung thuế, trừ dầu hỏa)			
1	Xăng, trừ etanol	lít	1.000-4.000	4.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000-3.000	3.000

<sup>2</sup> Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó có trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội.

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đồng/đv hàng hóa)	Mức thuế dự kiến điều chỉnh (đồng/đv hàng hóa)
3	Dầu diesel	lít	500-2.000	2.000
4	Dầu hỏa	lít	300-2.000	1.000
5	Dầu mazut	lít	300-2.000	2.000
6	Dầu nhờn	lít	300-2.000	2.000
7	Mỡ nhờn	kg	300-2.000	2.000
<b>II</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới từ trên 70 USD/thùng đến dưới 80 USD/thùng</b> (quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng 75% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, tương đương giảm 25%)			
1	Xăng, trừ etanol	lít	1.000-4.000	3.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000-3.000	2.250
3	Dầu diesel	lít	500-2.000	1.500
4	Dầu hỏa	lít	300-2.000	750
5	Dầu mazut	lít	300-2.000	1.500
6	Dầu nhờn	lít	300-2.000	1.500
7	Mỡ nhờn	kg	300-2.000	1.500
<b>III</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới từ 80 USD/thùng đến dưới 100 USD/thùng</b> (quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng 50% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, tương đương giảm 50%, tương tự như khi UBTVQH quyết định điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tại Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022)			
1	Xăng, trừ etanol	lít	1.000-4.000	2.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000-3.000	1.500
3	Dầu diesel	lít	500-2.000	1.000
4	Dầu hỏa	lít	300-2.000	500
5	Dầu mazut	lít	300-2.000	1.000
6	Dầu nhờn	lít	300-2.000	1.000
7	Mỡ nhờn	kg	300-2.000	1.000
<b>IV</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới từ 100 USD/thùng trở lên</b> (quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức sàn trong khung thuế, tương tự như khi UBTVQH quyết định điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn tại Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022)			
1	Xăng, trừ etanol	lít	1.000-4.000	1.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000-3.000	1.000
3	Dầu diesel	lít	500-2.000	500

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đồng/đv hàng hóa)	Mức thuế dự kiến điều chỉnh (đồng/đv hàng hóa)
4	Dầu hỏa	lít	300-2.000	300
5	Dầu mazut	lít	300-2.000	300
6	Dầu nhờn	lít	300-2.000	300
7	Mỡ nhờn	kg	300-2.000	300

Giá dầu thô thế giới dùng để áp dụng mức thuế BVMT nêu trên được xác định theo nguyên tắc bình quân giá dầu thô thế giới 10 ngày gần nhất (được giao dịch trên thị trường Singapore do Hãng tin Platt's (Platt Singapore) công bố) trước khi điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn 02 ngày (quy định này là để đảm bảo cho các cơ quan quản lý nhà nước có thời gian công bố mức thuế BVMT cụ thể và giá bán lẻ xăng dầu).

(Việc xác định giá dầu thô theo nguyên tắc trên nhằm đảm bảo vừa tạo thuận lợi cho công tác theo dõi, xác định giá cũng như đảm bảo việc áp dụng mức thuế cho kỳ tiếp theo bám sát với mức giá dầu thô thế giới tại thời điểm điều chỉnh).

(ii) Quy định về việc áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023 như sau:

- Về mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/3/2023 (kỳ 1): Để có thể áp dụng được ngay mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn khi Nghị quyết có hiệu lực (từ ngày 01/01/2023), đề nghị quy định tại Nghị quyết mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/3/2023. Mức thuế này sẽ được UBNDTP quyết định tại Phiên họp thông qua Nghị quyết trên cơ sở giá dầu thô thế giới được xác định theo nguyên tắc tại tiết (i) nêu trên (nguyên tắc bình quân giá dầu thô thế giới 10 ngày gần nhất được giao dịch trên thị trường Singapore do Hãng tin Platt's (Platt Singapore) công bố) trước Phiên họp của UBNDTP 02 ngày.

- Đối với mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023 (03 kỳ tiếp theo): Căn cứ quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo các kịch bản giá dầu thô thế giới tại tiết (i) nêu trên để áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn định kỳ 3 tháng/1 lần kể từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

(Việc quy định áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn định kỳ 3 tháng/1 lần nhằm đảm bảo vừa tạo tính linh hoạt, kịp thời cũng như không ảnh hưởng nhiều đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các công ty xăng dầu và việc điều hành giá xăng dầu (không gây sự biến động nhiều về giá) trong năm 2023).

(iii) Mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2024 được thực hiện theo quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBNDTP ngày 26/9/2018 của UBNDTP về Biểu thuế BVMT.

(Sau 1 năm sẽ tổng kết, đánh giá lại Nghị quyết).

b) Về trách nhiệm thi hành

Để đảm bảo cho việc áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo đúng quy định của UBTVQH tại tiết (i) điểm a nêu trên, đề nghị trình UBTVQH quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính trong việc xác định mức giá dầu thô thế giới và công bố mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn để áp dụng như sau:

- Bộ Công Thương có trách nhiệm xác định mức giá dầu thô thế giới theo nguyên tắc tại tiết (i) điểm a nêu trên định kỳ 3 tháng/1 lần và gửi Bộ Tài chính trước 10 giờ các ngày 31/3/2023, ngày 30/6/2023, ngày 30/9/2023 để Bộ Tài chính công bố mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn.

- Căn cứ mức thuế BVMT theo các mức giá dầu thô thế giới đã được UBTVQH quyết định và mức giá dầu thô thế giới do Bộ Công Thương xác định, Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trước 12 giờ cùng ngày Bộ Công Thương gửi thông tin về mức giá dầu thô thế giới để áp dụng định kỳ 3 tháng/1 lần vào các ngày 01/4/2023, ngày 01/7/2023, ngày 01/10/2023.

c) Về hiệu lực thi hành

Để đảm bảo tính kịp thời, đề nghị Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023. Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 của UBTVQH hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

### **3. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị quyết**

a) Tác động tích cực

- Đảm bảo việc áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn được kịp thời, linh hoạt, phù hợp với thực tế, từ đó góp phần ổn định giá xăng dầu trong nước trong năm 2023 trước bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

Thuế BVMT là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường, nên chi phí thuế BVMT sẽ được chuyển vào giá thành sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế và người tiêu dùng là người cuối cùng chịu thuế BVMT. Việc áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn kịp thời, linh hoạt, bám sát giá xăng dầu thế giới sẽ góp phần điều chỉnh hợp lý chi phí thuế trong chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức do Bộ Tài chính xác định và thông báo hàng năm để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu giá bán lẻ xăng dầu (khi giá dầu thô tăng, mức thuế BVMT giảm, từ đó giảm chi phí thuế, giảm giá bán lẻ xăng dầu và ngược lại), từ đó góp phần ổn định thị trường xăng dầu trong nước.

- Góp phần đảm bảo chia sẻ hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

Việc áp dụng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn linh hoạt, phù hợp với biến động của giá dầu thô thế giới sẽ đảm bảo hài hòa trong việc huy động nguồn thu thuế cho NSNN khi mức giá dầu thô xuống thấp và chia sẻ lợi

ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân khi mức giá dầu thô tăng cao.

- Đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc điều chỉnh mức thuế BVMT.

Việc điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn như trên là đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hóa chịu thuế BVMT theo quy định tại Điều 8 Luật thuế BVMT, cụ thể:

+ Đảm bảo nguyên tắc mức thuế BVMT phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ: Theo quy định của Luật giá thì xăng dầu là hàng hóa thiết yếu cho sản xuất, đời sống và giá bán xăng dầu được Nhà nước quản lý, điều hành nhằm đảm bảo bình ổn giá cả. Trước bối cảnh giá dầu thô thế giới biến động khó lường, ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước thì việc giảm mức thuế BVMT đối với xăng dầu là phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc ổn định giá xăng dầu và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Đảm bảo phù hợp với Biểu khung thuế BVMT: Việc điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn vẫn đảm bảo trong Biểu khung thuế BVMT quy định tại Luật thuế BVMT nên đảm bảo nguyên tắc phù hợp với mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

- Việc điều chỉnh linh hoạt mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo giá dầu thô thế giới vẫn đảm bảo phù hợp với bản chất, mục tiêu của thuế BVMT.

Thuế BVMT là khoản thu đối với hàng hóa khi sử dụng gây ô nhiễm môi trường nhằm mục tiêu hạn chế việc sản xuất, nhập khẩu những hàng hóa này để góp phần BVMT. Khi điều chỉnh linh hoạt mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo giá dầu thô thế giới sẽ góp phần điều tiết hành vi tiêu thụ xăng, dầu, mỡ nhờn phù hợp với tình hình thực tế mà vẫn đảm bảo mục tiêu BVMT, cụ thể:

+ Khi mức giá dầu thô thế giới tăng, doanh nghiệp và người dân sẽ có xu hướng hạn chế nhu cầu tiêu thụ mặt hàng này. Khi đó, việc điều chỉnh giảm mức thuế BVMT vừa phải, phù hợp với Biểu khung thuế BVMT sẽ có tác dụng góp phần hỗ trợ sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

+ Khi mức giá dầu thô thế giới giảm, nhu cầu tiêu thụ mặt hàng này sẽ có xu hướng tăng lên. Theo đó, việc điều chỉnh tăng mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn sẽ làm tăng giá bán của mặt hàng này, từ đó góp phần hạn chế việc sử dụng mặt hàng này.

b) Tác động tiêu cực

- Tác động đến thu NSNN.

Theo đề xuất nêu trên, việc áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong năm 2023 sẽ được căn cứ theo mức giá dầu thô thế giới tại mỗi thời điểm điều chỉnh mức thuế và được điều chỉnh linh hoạt định kỳ 3 tháng/1 lần. Theo đó, mức độ tác động cụ thể đến thu NSNN sẽ tùy thuộc vào mức giá dầu thô thế giới tại mỗi thời điểm điều chỉnh mức thuế, cụ thể:

+ Kịch bản 1: Trường hợp tại thời điểm điều chỉnh, giá dầu thô thế giới từ 70 USD/thùng trở xuống thì áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu,

mỡ nhờn bằng mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14. **Thực hiện theo kịch bản này sẽ không làm giảm thu NSNN.** Khi đó, dự kiến số thu thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bình quân 1 tháng là 5.130,8 tỷ đồng/tháng; tổng thu NSNN bình quân 1 tháng (bao gồm cả thuế BVMT, thuế GTGT) là 5.643,8 tỷ đồng/tháng.

+ Kịch bản 2: Trường hợp tại thời điểm điều chỉnh, giá dầu thô thế giới từ trên 70 USD/thùng đến dưới 80 USD/thùng thì áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng 75% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, tương đương giảm 25%. Khi đó, dự kiến số thu thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bình quân 1 tháng giảm khoảng 1.282,7 tỷ đồng/tháng, tác động làm số thu NSNN bình quân 1 tháng (bao gồm cả thuế BVMT, thuế GTGT) **giảm khoảng 1.411 tỷ đồng/tháng.**

+ Kịch bản 3: Trường hợp tại thời điểm điều chỉnh giá dầu thô thế giới từ 80 USD/thùng đến dưới 100 USD/thùng thì áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng 50% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, tương đương giảm 50%). Khi đó, dự kiến số thu thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bình quân 1 tháng giảm khoảng 2.565,4 tỷ đồng/tháng, tác động làm số thu NSNN bình quân 1 tháng (bao gồm cả thuế BVMT, thuế GTGT) **giảm khoảng 2.821,9 tỷ đồng/tháng.**

+ Kịch bản 4: Trường hợp tại thời điểm điều chỉnh giá dầu thô thế giới từ 100 USD/thùng trở lên thì áp dụng mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức sàn trong khung thuế. Khi đó, dự kiến số thu thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bình quân 1 tháng giảm khoảng 3.838,7 tỷ đồng/tháng, tác động làm số thu NSNN bình quân 1 tháng (bao gồm cả thuế BVMT, thuế GTGT) **giảm khoảng 4.222,6 tỷ đồng/tháng.**

*(Chi tiết dự kiến tác động thu NSNN theo các kịch bản tại các Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 trình kèm).*

- Việc xác định giá dầu thô thế giới để áp dụng mức thuế BVMT theo nguyên tắc bình quân 10 ngày trước khi điều chỉnh mức thuế gần nhất chưa đảm bảo phù hợp với thời gian áp dụng mức thuế cụ thể là 3 tháng, chưa phù hợp với việc xu hướng biến động giá dầu thô thế giới. Tuy nhiên, việc lấy giá dầu thô thế giới 10 ngày gần nhất trước khi điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn 02 ngày sẽ đảm bảo sát với giá dầu thô nhất và thuận lợi cho công tác theo dõi, xác định giá.

c) Tác động về thủ tục hành chính và bình đẳng giới

Dự thảo Nghị quyết không quy định về thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới, do đó không phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và không gây bất bình đẳng về giới.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Khi Nghị quyết được ban hành, toàn bộ nội dung Nghị quyết sẽ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức và

người dân biết và thực hiện. Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan, cũng như chỉ đạo cơ quan thuế, cơ quan hải quan thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát để đảm bảo việc thực thi Nghị quyết có hiệu quả.

**Từ nội dung báo cáo nêu trên, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ phê duyệt đề trình UBTVQH:**

- Xây dựng Nghị quyết về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình UBTVQH về dự án Nghị quyết và phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội trong quá trình thẩm tra dự án Nghị quyết.

- Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình UBTVQH để bổ sung dự án Nghị quyết vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của UBTVQH và thông qua ngay tại kỳ họp tháng 12/2022.

Trên đây là Tờ trình dự án Nghị quyết về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn. Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị quyết; Các phụ lục).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó TTg Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Công Thương;
- Vụ Pháp chế; Vụ NSNN;
- Cục QLG; TCT; TCHQ;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST4).

**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Đức Phúc**

**PHỤ LỤC 1**

**DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG THU NSNN THEO PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT**

**Kịch bản 1:** Trường hợp giá dầu thô thế giới từ 70 USD/thùng trở xuống, điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 - mức trần trong khung thuế, trừ dầu hỏa

STT	Sản phẩm	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đ/đvt thuế)	Số lượng tính thuế (triệu lít, kg)	Mức thuế BVMT		Số thu thuế BVMT		Số thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Tổng số thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)
				Theo NQ 579 (đ/đvt thuế)	PA điều chỉnh (đ/đvt thuế)	Theo NQ579 (tỷ đồng)	Theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)		
1	2	3	4	5	6	7=4x5	8=4x6	9=8/12t	10=9+(9x10%)
1	Xăng (triệu lít)	1.000-4.000	8.227,0	4.000	4.000	32.908,0	32.908,0	2.742,3	3.016,6
2	Dầu Diesel-DO (triệu lít)	500-2.000	11.637,0	2.000	2.000	23.274,0	23.274,0	1.939,5	2.133,5
3	Dầu Mazut, dầu nhờn (triệu lít) Mỡ nhờn-FO (triệu kg)	300-2.000	914,0	2.000	2.000	1.828,0	1.828,0	152,3	167,6
4	Dầu hỏa (triệu lít)	300-2.000	43,0	1.000	1.000	43,0	43,0	3,6	3,9
5	Nhiên liệu bay (triệu lít)	1.000-3.000	1.172,0	3.000	3.000	3.516,0	3.516,0	293,0	322,3
	<b>Tổng</b>					<b>61.569,0</b>	<b>61.569,0</b>	<b>5.130,8</b>	<b>5.643,8</b>

**Ghi chú:** Số liệu tính toán trên cơ sở sản lượng tính thuế năm 2019



**PHỤ LỤC 2**

**DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG THU NSNN THEO PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT**

**Kịch bản 2:** Trường hợp giá dầu thô thế giới trên 70 USD/thùng đến dưới 80 USD/thùng, quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng 75% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, tương đương giảm 25%, riêng dầu hòa giảm 30%

STT	Sản phẩm	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đ/đvt thuế)	Sản lượng tính thuế (triệu lít, kg)	Mức thuế BVMT		Số thu thuế BVMT			Số thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Số giảm thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Tổng số thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)	Tổng số giảm thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)
				Theo NQ 579 (đ/đvt thuế)	PA điều chỉnh (đ/đvt thuế)	Theo NQ579 (tỷ đồng)	Theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Mức giảm (tỷ đồng)				
1	Xăng (triệu lít)	1.000-4.000	8.227,0	4.000	3.000	7=4x5	8=4x6	9=8-7	10=8/12t	11=9/12t	12=10+(10x10%)	13=11+(11x10%)
2	Dầu Diesel-DO (triệu lít)	500-2.000	11.637,0	2.000	1.500	23.274,0	17.455,5	-5.818,5	1.454,6	-484,9	1.600,1	-533,4
3	Dầu Mazut, dầu nhờn (triệu lít) Mỡ nhờn-FO (triệu kg)	300-2.000	914,0	2.000	1.500	1.828,0	1.371,0	-457,0	114,3	-38,1	125,7	-41,9
4	Dầu hòa (triệu lít)	300-2.000	43,0	1.000	750	43,0	32,3	-10,8	2,7	-0,9	3,0	-1,0
5	Nhiên liệu bay (triệu lít)	1.000-3.000	1.172,0	3.000	2.250	3.516,0	2.637,0	-879,0	219,8	-73,3	241,7	-80,6
	<b>Tổng</b>					<b>61.569,0</b>	<b>46.176,8</b>	<b>-15.392,3</b>	<b>3.848,1</b>	<b>-1.282,7</b>	<b>4.232,9</b>	<b>-1.411,0</b>

**Ghi chú:** Số liệu tính toán trên cơ sở sản lượng tính thuế năm 2019

**PHỤ LỤC 3**

**DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG THU NSNN THEO PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT**

**Kịch bản 3:** Trường hợp giá dầu thô thế giới trên 80 USD/thùng đến dưới 100 USD/thùng, quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng 50% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/QH14, tương đương giảm 50%

STT	Sản phẩm	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đ/đvt thuế)	Sản lượng tính thuế (triệu lít, kg)	Mức thuế BVMT		Số thu thuế BVMT			Số thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Số giảm thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Tổng số thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)	Tổng số giảm thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)
				Theo NQ 579 (đ/đvt thuế)	PA điều chỉnh (đ/đvt thuế)	Theo NQ579 (tỷ đồng)	Theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Mức giảm (tỷ đồng)				
1	Xăng (triệu lít)	3	4	5	6	7=4x5	8=4x6	9=8-7	10=8/12t	11=9/12t	12=10+(10x10%)	13=11+(11x10%)
1	Xăng (triệu lít)	1.000-4.000	8.227,0	4.000	2.000	32.908,0	16.454,0	-16.454,0	1.371,2	-1.371,2	1.508,3	-1.508,3
2	Dầu Diesel-DO (triệu lít)	500-2.000	11.637,0	2.000	1.000	23.274,0	11.637,0	-11.637,0	969,8	-969,8	1.066,7	-1.066,7
3	Dầu Mazut, dầu nhờn (triệu lít) Mỡ nhờn-FO (triệu kg)	300-2.000	914,0	2.000	1.000	1.828,0	914,0	-914,0	76,2	-76,2	83,8	-83,8
4	Dầu hỏa (triệu lít)	300-2.000	43,0	1.000	500	43,0	21,5	-21,5	1,8	-1,8	2,0	-2,0
5	Nhiên liệu bay (triệu lít)	1.000-3.000	1.172,0	3.000	1.500	3.516,0	1.758,0	-1.758,0	146,5	-146,5	161,2	-161,2
			<b>Tổng</b>			<b>61.569,0</b>	<b>30.784,5</b>	<b>-30.784,5</b>	<b>2.565,4</b>	<b>-2.565,4</b>	<b>2.821,9</b>	<b>-2.821,9</b>

**Ghi chú:** Số liệu tính toán trên cơ sở sản lượng tính thuế năm 2019

**PHỤ LỤC 4**

**DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG THU NSNN THEO PHƯƠNG ÁN DẸ XUẤT**

**Kịch bản 4:** Trường hợp giá dầu thô thế giới trên 100 USD/thùng trở lên, quy định mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn bằng mức sản trong khung thuế

STT	Sản phẩm	Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đ/dvt thuế)	Số lượng tính thuế (triệu lít, kg)	Mức thuế BVMT		Số thu thuế BVMT			Số thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Số giảm thu thuế BVMT bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Tổng số thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)	Tổng số giảm thu NSNN bình quân 1 tháng theo PA điều chỉnh (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)
				Theo NQ 579 (đ/dvt thuế)	PA điều chỉnh (đ/dvt thuế)	Theo NQ579 (tỷ đồng)	Theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)	Mức giảm (tỷ đồng)				
1	Xăng (triệu lít)	3	4	5	6	7=4x5	8=4x6	9=8-7	10=8/12t	11=9/12t	12=10+(10x10%)	13=11+(11x10%)
1	Xăng (triệu lít)	1.000-4.000	8.227,0	4.000	1.000	32.908,0	8.227,0	-24.681,0	685,6	-2.056,8	754,1	-2.262,4
2	Dầu Diesel-DO (triệu lít)	500-2.000	11.637,0	2.000	500	23.274,0	5.818,5	-17.455,5	484,9	-1.454,6	533,4	-1.600,1
3	Dầu Mazut, dầu nhờn (triệu lít) Mỡ nhờn-FO (triệu kg)	300-2.000	914,0	2.000	300	1.828,0	274,2	-1.553,8	22,9	-129,5	25,1	-142,4
4	Dầu hỏa (triệu lít)	300-2.000	43,0	1.000	300	43,0	12,9	-30,1	1,1	-2,5	1,2	-2,8
5	Nhiên liệu bay (triệu lít)	1.000-3.000	1.172,0	3.000	1.000	3.516,0	1.172,0	-2.344,0	97,7	-195,3	107,4	-214,9
		<b>Tổng</b>				<b>61.569,0</b>	<b>15.504,6</b>	<b>-46.064,4</b>	<b>1.292,1</b>	<b>-3.838,7</b>	<b>1.421,3</b>	<b>-4.222,6</b>

**Ghi chú:** Số liệu tính toán trên cơ sở sản lượng tính thuế năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*  
*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;*  
*Căn cứ Luật Thuế bảo vệ môi trường ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn**

1. Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 được quy định như sau:

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)
<b>I</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới từ 70 USD/thùng trở xuống</b>		
1	Xăng, trừ etanol	lít	4.000
2	Nhiên liệu bay	lít	3.000
3	Dầu diesel	lít	2.000
4	Dầu hỏa	lít	1.000
5	Dầu mazut	lít	2.000
6	Dầu nhờn	lít	2.000
7	Mỡ nhờn	kg	2.000
<b>II</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới trên 70 USD/thùng đến dưới 80 USD/thùng</b>		
1	Xăng, trừ etanol	lít	3.000
2	Nhiên liệu bay	lít	2.250
3	Dầu diesel	lít	1.500
4	Dầu hỏa	lít	750
5	Dầu mazut	lít	1.500
6	Dầu nhờn	lít	1.500
7	Mỡ nhờn	kg	1.500
<b>III</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới trên 80 USD/thùng đến dưới 100 USD/thùng</b>		
1	Xăng, trừ etanol	lít	2.000

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)
2	Nhiên liệu bay	lít	1.500
3	Dầu diesel	lít	1.000
4	Dầu hỏa	lít	500
5	Dầu mazut	lít	1.000
6	Dầu nhờn	lít	1.000
7	Mỡ nhờn	kg	1.000
<b>IV</b>	<b>Khi giá dầu thô thế giới trên 100 USD/thùng trở lên</b>		
1	Xăng, trừ etanol	lít	1.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000
3	Dầu diesel	lít	500
4	Dầu hỏa	lít	300
5	Dầu mazut	lít	300
6	Dầu nhờn	lít	300
7	Mỡ nhờn	kg	300

Giá dầu thô thế giới theo quy định tại khoản này được xác định theo nguyên tắc bình quân giá dầu thô thế giới 10 ngày gần nhất (được giao dịch trên thị trường Singapore do Hãng tin Platt's (Platt Singapore) công bố) trước khi điều chỉnh mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn 02 ngày.

2. Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 được thực hiện theo quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường.

**Điều 2. Áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023**

1. Mức thuế bảo vệ môi trường cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2023<sup>1</sup>:

TT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)
1	Xăng, trừ etanol	lít	...
2	Nhiên liệu bay	lít	...
3	Dầu diesel	lít	...
4	Dầu hỏa	lít	...
5	Dầu mazut	lít	...
6	Dầu nhờn	lít	...

<sup>1</sup> Trên cơ sở giá dầu thô thế giới được xác định theo nguyên tắc tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết, UBTVQH quyết định mức thuế bảo vệ môi trường cụ thể áp dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/3/2023.

<b>TT</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)</b>
7	Mỡ nhờn	kg	...

2. Mức thuế bảo vệ môi trường cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này để áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn định kỳ 3 tháng/1 lần kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm xác định mức giá dầu thô thế giới theo nguyên tắc quy định tại Điều 1 Nghị quyết này định kỳ 3 tháng/1 lần và gửi Bộ Tài chính trước 10 giờ các ngày 31 tháng 3 năm 2023, 30 tháng 6 năm 2023, 30 tháng 9 năm 2023 để Bộ Tài chính công bố mức thuế BVMT cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn.

2. Căn cứ mức thuế bảo vệ môi trường theo giá dầu thô thế giới quy định tại Điều 1 Nghị quyết này và mức giá dầu thô thế giới do Bộ Công Thương xác định, Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về mức thuế bảo vệ môi trường cụ thể đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trước 12 giờ cùng ngày Bộ Công Thương gửi thông tin về mức giá dầu thô thế giới để áp dụng định kỳ 3 tháng/1 lần vào các ngày 01/4/2023, 01/7/2023, 01/10/2023.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2023.

2. Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Không áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

---

*Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023.*

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
CHỦ TỊCH**

**Vương Đình Huệ**